

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2009 - 2010

Lớp Học : 33XD1

Học Kỳ : 2

Môn Học : AutoCad

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	334501000	Trương Vũ Ân	5												8			5.0	6.5			Học lại
2	334501000	Nguyễn Tấn An	5												9			5.0	7.0			Học lại
3	334501000	Thái Duy Bảo	6												7			6.0	6.5			
4	334501001	Lê Trung Cường	4												6			4.0	5.0			Học lại
5	334501001	Thái Văn Dũng	6												6			6.0	6.0			
6	334501001	La Văn Duy	6												5			6.0	5.5			
7	334501002	Nguyễn Thế Gian	8												7			8.0	7.5			
8	334501002	Vũ Trường Giang	4												5	7		4.0	4.5	5.5		
9	334501002	Đặng Việt Hào							0						0	0		0.0	0.0	0.0		Học lại
10	334501003	Nguyễn Thanh Hiền	8												7			8.0	7.5			
11	334501003	Hà Huy Hiệp	10												3			10.0	6.5			
12	334501003	Ngô Văn Hiệp	4												8			4.0	6.0			
13	334501004	Lê Mạnh Hùng	4												6			4.0	5.0			
14	334501004	Nguyễn Đồng Huy							8	8					8			8.0	8.0			Học lại
15	334501004	Trần Văn Huyên	8												8			8.0	8.0			Học lại
16	334501004	Trương Công Hợp	8												8			8.0	8.0			
17	324000003	Trần Anh Khương	5												5			5.0	5.0			
18	334501005	Huỳnh Hữu Linh	4												0	6		4.0	2.0	5.0		
19	334501006	Trịnh Văn Lương	6												0	7		6.0	3.0	6.5		

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	334501006	Võ Văn Minh	5												4	6		5.0	4.5	5.5		
21	334501006	Huỳnh Quang Nhân	5												8			5.0	6.5			
22	334501006	Lê Nguyễn Thành Nhơn	7												6			7.0	6.5			Học lại
23	334501007	Lê Văn Pho	6												9			6.0	7.5			Học lại
24	334501007	Đoàn Văn Phong Phú	7												7			7.0	7.0			Học lại
25	334501008	Võ Văn Phương	8												7			8.0	7.5			
26	334501008	Ngô Mạnh Quê	6												4			6.0	5.0			
27	334501008	Trần Việt Quý	4												8			4.0	6.0			
28	334501009	Nguyễn Tấn Sỹ	7												7			7.0	7.0			
29	334501009	Nguyễn Đình Tân	7												6			7.0	6.5			
30	334501009	Đỗ Ngọc Tài	3												0	7		3.0	1.5	5.0		
31	327501021	Trần Đức Thuận	5												7			5.0	6.0			
32	334501010	Võ Hùng Thịnh	4												7			4.0	5.5			
33	334501010	Nguyễn Văn Toàn	8												8			8.0	8.0			
34	334501011	Bùi Trung Tính	7												8			7.0	7.5			
35	334501011	Lê Văn Tuấn	5												5			5.0	5.0			
36	334501012	Đoàn Ngọc Tú	5												5			5.0	5.0			
37	334501012	Cao Văn Vị	7												7			7.0	7.0			
38	334501012	Trần Thanh Vương	3												6	7		3.0	4.5	5.0		

Tổng số: 38 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	4	10.53
Khá	9	23.68

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	13	34.21
Không đạt	1	2.63
Miễn thi	0.00	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	11	28.95

Tp. HCM, ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Giáo Vụ Khoa